TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **TP. HÀ NỘI** ---------- Bản án số:273/2022/HNGĐ-ST Ngày: 09/5/2022 *V/v: "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------*&*----------

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Thịnh Quang Thắng

Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Hoàng Thị Phương Tuyến

2/ Bà Ngô Thị Yêm

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Hải Yến – Thư ký Toà án nhân dân Huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đông Anh tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Hồng Chiêm – Kiểm sát viên

Ngày 30/3/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện Đông Anh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 122/2022/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXX ngày 27/4/2022; giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991, Cư trú tại: Thôn M, xã Đ, huyện Đ, Hà Nội.

2.Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1989; HKTT: Nhà số 5, ngõ 19, thôn H, xã K, huyện Đ, Hà Nội;

Có mặt: Chị N

Vắng mặt: Anh N1

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 11/3/2022 và các lời khai bổ sung, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

- Về tình cảm: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn N1 kết hôn với anh N1 ngày 30/4/2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K. Cưới xong vợ chồng về ở với gia đình anh N1 tại thôn H, xã K, huyện Đ, Hà Nội. Đến tháng 11/2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nuôi dạy con

cái. Vợ chồng bắt đầu ly thân từ tháng 11/2020 cho đến nay. Chị đã làm đơn ra Tòa án nhân dân huyện Đông Anh xin ly hôn anh N1 nhưng sau đó chị rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ nhưng vợ chồng chị không thể hàn gắn và vẫn tiếp tục ly hôn. Nay quan điểm của chị xác định tình cảm không còn, chị xin ly hôn anh N1.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đức H, sinh ngày 05/12/2013 và cháu Nguyễn Tố U, sinh ngày 01/3/2019. Hiện nay cháu H đang ở với chị, cháu U đang ở với anh N1. Ly hôn chị nuôi cháu H và anh N1 nuôi cháu U và không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm lao động tự do thu nhập bình quân từ 14.000.000đ-18.000.000đ/1 tháng

- Về tài sản, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 27/4/2022, anh Nguyễn Văn N1 trình bày:** Anh và chị N kết hôn ngày 30/42013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Đ. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là bất đồng quan điểm trong cuộc sống và nuôi dạy con cái. Hiện tại vợ chồng đã ly thân. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Nay quan điểm của anh đồng ý ly hôn chị N.

- Về con chung*:* Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức H, sinh ngày 05/12/2013 và cháu Nguyễn Tố U, sinh ngày 01/3/2019. Hiện tại cháu H đang ở với chị N, cháu U đang ở với anh. Ly hôn anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu U, chị N nuôi dưỡng cháu H. Hiện nay anh đang làm lao động tự do thu nhập bình quân từ 7.000.000đ-11.000.000đ/1 tháng

- Về tài sản, nợ, công sức chung: vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh N1 xin vắng mặt toàn bộ trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án.

*** Tại phiên toà**:

- Chị N vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh N1; về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đức H, sinh ngày 05/12/2013 và cháu Nguyễn Tố U, sinh ngày 01/3/2019. Ly hôn chị trực tiếp nuôi cháu H, anh N1 nuôi dưỡng cháu U và không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự. Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N; Về con chung : Vợ chồng chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn N1 có 02 con là Nguyễn Đức H, sinh ngày 05/12/2013 và cháu Nguyễn Tố U, sinh ngày 01/3/2019. Ly hôn giao chị N nuôi cháu H và anh N1 nuôi cháu U và không giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết; Về án phí: Chị N phải chịu án phí LHST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về quan hệ pháp luật**:

Chị N có đăng ký kết hôn với anh N1 ngày 30/4/2013 tại UBND xã K. Chị N xin ly hôn anh N1. Anh N1 có nơi cư trú tại Thôn Hậu Dưỡng, xã K, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về tố tụng**: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, anh N1 vắng mặt. Anh N1 có ý kiến xin vắng mặt tại Tòa án, không tham gia hòa giải và tại phiên tòa. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh N1 là phù hợp với quy định của Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân : Chị Nguyễn Thị N kết hôn với anh Nguyễn Văn N1 kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã K là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, chị N kiên quyết xin ly hôn anh N1. Anh N1 có quan điểm ý kiến là đồng ý ly hôn. Xét, anh chị đã ly thân được một thời gian dài mà không ai quan tâm đến ai. Chị N xin ly hôn, anh N1 đồng ý. Do vậy, nếu cứ kéo dài cuộc sống hôn nhân như hiện nay thì sẽ không đạt được mục đích, Hội đồng xét xử cần căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp.

[3.2] Về con chung: Vợ chồng anh N1, chị N có 02 con chung Nguyễn Đức H, sinh ngày 05/12/2013 và cháu Nguyễn Tố U, sinh ngày 01/3/2019. Ly hôn, Chị N anh N1 đều thống nhất chị N nuôi cháu H, anh N1 nuôi cháu U. Do đó, giao chị N trực tiếp nuôi cháu H và anh N1 trực tiếp nuôi cháu U và không giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.3] Về tài sản, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết

[4] Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ chị N phải chịu để sung công quỹ nhà nước;

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình; - Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Nguyễn Thị N đối với anh Nguyễn Văn N1. Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn N1.

2. Về con chung: Vợ chồng anh N1, chị N có có 02 con chung Nguyễn Đức H, sinh ngày 05/12/2013 và cháu Nguyễn Tố U, sinh ngày 01/3/2019. Giao chị N nuôi dưỡng cháu H, anh N1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu U và ghi nhận sự tự nguyện của các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản, nợ chung: Chị N, anh N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết

4. Về án phí LHST: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị N phải chịu cả nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0046206 ngày 11/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Chị N đã nộp đủ án phí.

5. Án xử công khai, sơ thẩm, chị N có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Anh N1 có quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKS Đông Anh
- THA Đông Anh.
- TAND thành phố Hà Nội
- UBND xã K
- Lưu hồ sơ.

Thịnh Quang Thắng